

PHÒNG GIÁO DỤC TIỀN HẢI		ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2010 - 2011 MÔN: TIẾNG ANH LỚP 8 Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian giao đề)	
Người coi thi thứ nhất	Người coi thi thứ hai		
		Họ và tên:SBD: Ngày sinh: Trường THCS: Phòng thi:	
Giám khảo 1:		Điểm bài thi:	
Giám khảo 2:		Bằng chữ:	

(Đề gồm 04 trang, thí sinh làm bài trực tiếp vào đề thi này).

Bài 1: A. Chọn từ mà phần gạch chân có cách phát âm khác với các từ còn lại (1,2 điểm)

1. A. young B. drought C. discount D. sound
2. A. blind B. assistant C. hire D. iinerary
3. A. Christmas B. character C. chemistry D. brochure
4. A. nature B. behavior C. separate D. arrange
5. A. competition B. chore C. conscious D. promise
6. A. needed B. wanted C. started D. finished

B. Chọn từ có trọng âm chính rơi vào vị trí khác các từ còn lại (0,8 điểm)

7. A. award B. include C. struggle D. enroll
8. A. volunteer B. commercial C. traditional D. accessible
9. A. florist B. citizenship C. curly D. participate
10. A. participation B. representative C. accommodation D. organization

Bài 2: Chọn đáp án đúng (A, B, C hoặc D) để hoàn thành các câu sau. (2,0 điểm)

11. My new friend, Nam is His jokes often make his friends laugh a lot.
A. generous B. humorous C. out – going D. unusual
12. I'm sorry. I'm to help you lift the table.
A. not enough strong B. enough not strong C. not strong enough D. enough strong not
13. We moved here five years ago. We in our present house since then.
A. have lived B. live C. are living D. lived
14. In the past, women used to wash clothes by hand. Now we have a
A. steamer B. dishwasher C. hair dryer D. washing machine
15. It took my sister a long time to get used glasses.
A. to wear B. to wearing C. wearing D. wear
16. Their wedding party at the Rex Hotel next week.
A. is held B. is being held C. will be held D. is going to hold
17. "Who is your brother?" ~
A. He is the boy wearing a white T – shirt B. He is the boy worn a white T – shirt
C. He is the boy is wearing a white T – shirt D. He is the boy is worn a white T – shirt
18. "I got wet because I lost my umbrella." ~ "You your umbrella."

- A. always lose B. are always losing C. are always lose D. always lost
19. Yesterday, we took part in a in our village.
A. cook – ricing B. rice cooking C. cooking – rice D. rice – cooking
20. Two team members try to make a fire rubbing pieces bamboo together.
A. with / by B. by / with C. of / by D. by / of

Bài 3: Cho dạng đúng của từ in hoa. (2,0 điểm)

21. After taking an aspirin, my headache **APPEAR**
22. The farmer said he had something called **WISE**
23. You must make a quick about who wins the contest. **DECIDE**
24. You don't have to do that work. In other words, it's for you. **NECESSITY**
25. Tet is one of the festivals in Vietnam. **TRADITION**
26. Five students in my class participated in the English – speaking yesterday. **COMPETE**
27. Tuan, Ba and I played for the school team. We were **TEAM**
28. Chicago is right on the shore of Lake Michigan. **SITUATION**
29. This coffee is too to drink. **HEAT**
30. Hoa enjoys stamps. She has one of the biggest stamp in our club. **COLLECT**

Bài 4: Gạch chân lỗi sai trong mỗi câu sau và sửa lại cho đúng theo mẫu. (2,0 điểm)

0. My brothers are a teacher.	0. teachers
31. It is not easy do that difficult work.	31.
32. He won the race so he tried his best to run fast.	32.
33. When she came, I read a novel written by Nguyen Tuan.	33.
34. It's dangerous to drive fastly in busy streets.	34.
35. Dave is a friend of mine. I knew him for a long time.	35.
36. The table is in the living room, among the armchair and the sofa.	36.
37. My school is going to be rebuild next month.	37.
38. The teacher told the students in class 8C don't talk in class.	38.
39. Mr. Nam used to travel abroad a lot but now he didn't.	39.
40. Would you like go to the concert with my friends tonight?	40.

Bài 5: Chia dạng đúng của động từ trong ngoặc (2,0 điểm)

- a) He (41 – watch) a film on TV when I (42 – come) to see him last night.
b) You (43 – buy) a new school bag by your father two years ago?
c) I (44 – not see) my cousin for a month. He (45 – not go) out since he (46 – buy) a new color TV.
d) Leave me alone. I (47 – do) my homework.
e) On July 20th, 1969, Neil Armstrong (48 – step) down onto the moon.
f) I am used (49 – get) up early now. Last year, I used (50 – get) up late.

Bài 6: Điền giới từ thích hợp vào mỗi chỗ trống. (2,0 điểm)

- a) Jane doesn't spend much money (51) clothes.
b) In Da Lat it is usually cold (52) night, but it's warm (53) the day.
c) She always takes good care (54) her children.

d) (55) the rice – cooking festival, fire is made (56) the traditional way.

e) He congratulated me (57) winning the competition.

f) Suddenly, the canoe overturned and everyone fell (58) the deep and dangerous water.

g) She got (59) late this morning because her alarm clock didn't go (60)

Bài 7: Chọn từ thích hợp cho sẵn trong khung để điền vào mỗi chỗ trống trong đoạn văn. (2,0 điểm)

each other	where	should	has	more
for	by	so	there	most
each	in	can	have	be

The country is (61) beautiful than a town and more pleasant to live in. Many people think so, and go there (62) the summer holiday though they can't live (63) all the year round. Some have cottages built in a(khả viết thêm vào) village (64) that they can go there whenever they (65) find the time.

English villages are not all but (66) some ways they are not very different from (67) Almost every village (68) a church, the round or square tower of which can (69) seen from many miles around. Surrounding the church is the church yard (70) dead people are buried.

Bài 8: Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng nhất điền vào mỗi chỗ trống. (2,0 điểm)

BIRTH OF THE COMPUTER

Most people think of the computers as very modern inventions, products of our new technological age. But actually the idea for a computer (71) worked out over two centuries ago by a man (72) Charles Babbage.

Babbage was born (73) 1791 and grew up to be a brilliant mathematician. He drew up plans for several calculating machines (74) he called "engines". But despite the fact that he (75) building some of these he never finished any of them. Over the years people have argued (76) his machines would ever work. Recently, however, the Science Museum in London has finished building (77) engine based on one of Babbage's designs. (78) has taken six years to complete and more (79) four thousand parts have been specially made. Whether it works or not, the machine will be shown at a special exhibition in the Science Museum (80) remind people of Babbage's work.

- | | | | |
|---------------|---------------|------------|-----------|
| 61. A. has | B. was | C. had | D. is |
| 62. A. known | B. recognized | C. written | D. called |
| 63. A. on | B. by | C. in | D. for |
| 64. A. which | B. who | C. these | D. whose |
| 65. A. wanted | B. made | C. started | D. missed |
| 66. A. until | B. whether | C. while | D. though |
| 67. A. some | B. the | C. an | D. that |
| 68. A. One | B. He | C. They | D. It |
| 69. A. than | B. therefore | C. when | D. then |
| 70. A. to | B. as | C. for | D. so |

Bài 9: Dùng từ gợi ý viết thành câu. (2,0 điểm)

71. I / play table tennis / Nam / when / my friends / come.

72. We ought / use/ cloth bags/ instead / reuse/ plastic bags.

73. Could / give me / information?

74. I / used / look after / younger / brother / sister / when / parents / at / work.

75. Why / we / have / put / dangerous things / out / children's reach?

Bài 10: Xếp các từ bị xáo trộn thành câu hoàn chỉnh.

76. Mrs. Lan / up / order / to / early / this / the / morning / has / in / get / to / meeting / on / get / time / to.
77. Children / Africa / don't / enough / and / to / in / food / eat / warm / have / to / clothes / wear.
78. It's / at / easy / learn / two / the / languages / not / same / to / time.
79. My / like / but / meals / sister likes cooking / washing / doesn't / doing / she / the / up.
80. you / at / having / wonderful / are / in / holiday / a / moment / Sa Pa / the?

Bài 11: Viết lại các câu sau sao cho nghĩa của câu không đổi. (2,0 điểm)

81. My brother is strong. He can carry that table. (enough)
My brother _____
82. Alexander Graham Bell invented telephone.
Telephone _____
83. The strange man said to me: "Can you show me the way to the post office, please?"
The strange man asked _____
84. It is three months since I last visited my grandparents.
I haven't _____
85. Mr. Tam doesn't type as fast as she used to.
Mr. Tam used _____
86. My new school is not the same as my old one. (different)
My new school is _____
87. His car runs fast but a race car runs faster. (as as)
His car doesn't _____
88. It's very dangerous to walk home late at night.
Walking _____
89. I spent three hours doing my homework last night.
It took _____
100. The man is my brother's teacher. He is talking to the headmaster. (talking)
The man _____

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH 8**Bài 1: Ngữ âm (2,0 điểm)**

1. A 2. B 3. D 4. C 5. B 6. D 7. C 8. A 9. D 10. B

Bài 2: Chọn đáp án đúng (A, B, C hoặc D) để hoàn thành các câu sau. (2,0 điểm)

11. B 12. C 13. A 14. D 15. B 16. C 17. A 18. B 19. D 20. D

Bài 3: Cho dạng đúng của từ in hoa. (2,0 điểm)

21. disappeared 22. wisdom 23. decision 24. unnecessary 25. traditional
26. competition 27. teammates 28. situated 29. hot 30. collections

Bài 4: Gạch chân lỗi sai trong mỗi câu sau và sửa lại theo mẫu. (2,0 điểm)

31. do	=> to do	36. among	=> between
32. so	=> because	37. rebuild	=> rebuilt
33. read	=> was reading	38. don't (talk)	=> not to (talk)
34. fastly	=> fast	39. didn't	=> doesn't
35. knew	=> have known	40. go	=> to go

Bài 5: Chia dạng đúng của động từ trong ngoặc. (2,0 điểm)

41. was watching 42. came 43. Were bought 44. haven't seen 45. hasn't gone
46. bought 47. am doing 48. stepped 49. to getting 50. to get

Bài 6: Điền giới từ thích hợp vào mỗi chỗ trống. (2,0 điểm)

51. on 52. at 53. during (on) 54. of 55. In
56. in 57. on 58. into 59. up 60. off

Bài 7: Chọn từ thích hợp cho sẵn trong khung để điền vào mỗi chỗ trống trong đoạn văn. (2,0 điểm)

61. more 62. for 63. there 64. so 65. can
66. in 67. each other 68. has 69. be 70. where

Bài 8: Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng nhất điền vào mỗi chỗ trống. (2,0 điểm)

71. B 72. D 73. C 74. A 75. C 76. B 77. C 78. D 79. A 80. A

Bài 9: Dùng từ gợi ý viết thành câu. (2,0 điểm)

81. I was playing table tennis with Nam when my friends came.
82. We ought to use cloth bags instead of reusing plastic bags.
83. Could you give me some information ?
84. I used to look after my younger brother and sister when my parents were at work.
85. Why do we have to put the dangerous things out of children's reach?

Bài 10: Xếp các từ bị xáo trộn thành câu hoàn chỉnh.

86. Mrs. Lan has to get up early this morning in order to get to the meeting on time.
87. Children in Africa don't have enough food to eat and warm clothes to wear.
88. It's not easy to learn two languages at the same time.
89. My sister likes cooking meals but she doesn't like doing the washing up.
90. Are you having a wonderful holiday in Sapa at the moment?

Bài 11: Viết lại câu sau sao cho nghĩa của câu không đổi. (2,0 điểm)

91. My brother is strong enough to carry that table.
92. The telephone was invented by Alexander Graham Bell.

93. The strange man asked me to show him the way to the post office.
94. I haven't visited my grandparents for three months.
95. Mr. Tam used to type faster than he does now.
96. My new school is different from my old one.
97. His car doesn't as fast as a race car.
98. Walking home late at night is very dangerous.
99. It took me three hours to do my homework last night.
100. The man talking to the headmaster is my brother's teacher.